

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 108/2026/VDS-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2026 về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Huỳnh Anh V**, sinh năm 1989; Địa chỉ: H N, phường T, thành phố H; Số căn cước công dân: 046089001849 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 29/4/2021.

- Chị **Lê Thị Diễm K**, sinh năm 1989; Địa chỉ: 5 N, phường T, thành phố H; Số căn cước công dân: 046189014075 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/3/2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Anh V và chị Lê Thị Diễm K tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (cũ) vào ngày 31/01/2013. Thời điểm đăng ký có đủ điều kiện kết hôn theo quy định. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, nay không còn tình cảm gì với nhau. Xét thấy, mâu thuẫn hôn nhân giữa anh V, chị K đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Huỳnh Anh V và chị Lê Thị Diễm K.

[2] Về con chung: Anh Huỳnh Anh V và chị Lê Thị Diễm K xác nhận vợ chồng có 02 (hai) con chung là cháu Huỳnh Nghĩa Nhật A, sinh ngày: 23/12/2014 và cháu Huỳnh Nghĩa Khải A1, sinh ngày 28/7/2017. Các đương sự thỏa thuận giao 02 (hai) cháu Huỳnh Nghĩa Nhật A và Huỳnh Nghĩa Khải A1 cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi); chị Lê Thị Diễm K cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Nghĩa Nhật A mỗi

tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Nghĩa Khải A1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu Nhật A và Khải A1 lần lượt thành niên (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Anh V và chị Lê Thị Diễm K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Huỳnh Anh V, chị Lê Thị Diễm K mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa anh Huỳnh Anh V và chị Lê Thị Diễm K.

- Về con chung: Giao 02 cháu Huỳnh Nghĩa Nhật A, sinh ngày: 23/12/2014 và cháu Huỳnh Nghĩa Khải A1, sinh ngày 28/7/2017 cho anh Huỳnh Anh V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu Nhật A và Khải A1 lần lượt thành niên (đủ 18 tuổi); chị Lê Thị Diễm K cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Nghĩa Nhật A mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cấp dưỡng nuôi cháu Huỳnh Nghĩa Khải A1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng); thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu Nhật A và Khải A1 lần lượt thành niên (đủ 18 tuổi).

Sau khi quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh Huỳnh Anh V và chị Lê Thị Diễm K xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí dân sự sơ thẩm: Anh Huỳnh Anh V và chị Lê Thị Diễm K mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí giải quyết việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm mà anh V, chị K đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0000528 ngày 03 tháng 3 năm 2026 của Thi hành án Dân sự Thành phố H. Anh V và chị K đã nộp đủ.

3. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND Khu vực 1 – Huế;
- Thi hành án Dân sự thành phố Huế;
- UBND phường Thuận Hóa;
- (ĐKKH số: 04, ngày 31/01/2013)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Vũ Tiến